

ĐÁP ÁN VÀ GỢI Ý HỖ TRỢ · Chỉ mở sau khi tự thử.

Dùng cùng phiếu học sinh; Bài, Câu và tr. chỉ đúng vị trí câu hỏi. Chọn bài theo điều cần biết trước, để trẻ tự thử rồi mới xem đáp án. Ghi riêng phần trợ giúp, chia nhỏ khi cần và thực hiện thật các hoạt động có đồ dùng.

CHUẨN BỊ CHUNG

Giấy, bút và các thẻ giấy tự ghi mệnh giá để mô phỏng.

CÁCH TỔ CHỨC

Đọc dữ kiện, nêu quan hệ rồi tự làm từng nhiệm vụ.

Ghi phép tính, đơn vị nếu có và một cách tự kiểm; mở đáp án sau khi đã thử.

LƯU Ý CHUNG

Mọi giá, lãi và lãi suất trong mô-đun đều là dữ kiện giả định của bài toán. Dùng thẻ giấy để thực hành mua bán.

Tiết kiệm và vay chỉ xét đúng một kì được nêu, không có phí và không nhập lãi vào gốc; không suy ra lãi suất của một ngân hàng thực tế.

Bài 1 · tr. 01 **Lập ngân sách mua hàng và trao đổi thẻ tiền**

Mục tiêu Lập ngân sách, đổi các thẻ cùng giá trị và kiểm số tiền còn lại.

Ví dụ Ngân sách mô phỏng 100 000 đồng, mua hai món giá 25 000 và 40 000 đồng. Chi 65 000 đồng, còn 35 000 đồng; tổng tiền chi và còn lại phải bằng ngân sách.

Đề Câu 1 Có ngân sách giả định 120 000 đồng. Chọn mua 3 quyển vở, mỗi quyển 15 000 đồng, và một hộp bút 40 000 đồng. Còn bao nhiêu đồng?

Câu 1 · tr. 01 $45\,000 + 40\,000 = 85\,000$ đồng; còn 35 000 đồng.

Đề Câu 2 Đổi một thẻ 50 000 đồng thành đúng 5 thẻ 10 000 đồng. Giá trị tổng có đổi không? Viết phép kiểm.

Câu 2 · tr. 01 Không; $5 \times 10\,000 = 50\,000$ đồng.

Đề Câu 3 Một bộ dụng cụ giả định giá 140 000 đồng nhưng ngân sách chỉ 100 000 đồng. Chỉ cần cho việc học hai món giá 35 000 và 45 000 đồng. Phương án mua hai món đó có trong ngân sách không?

Câu 3 · tr. 02 Có; tổng 80 000 đồng, còn 20 000 đồng. Lựa chọn căn cứ nhu cầu đã nêu và ngân sách.

Câu 4 · tr. 02 $65\,000 + 25\,000 = 90\,000$, thiếu 10 000; đúng tiền thừa 35 000 đồng.

Bài 2 · tr. 02 **Tính tiền lãi trong một lần mua bán giả định**

Mục tiêu Tính tiền lãi bằng tiền bán trừ đủ chi phí trong một lần mua bán giả định.

Ví dụ Một lần bán giả định thu 180 000 đồng, tổng chi phí 150 000 đồng. Lãi 30 000 đồng. Khi tính lãi phải dùng đủ chi phí đã nêu.

Câu 1 · tr. 02 $100\,000 - 80\,000 = 20\,000$ đồng.

Câu 2 · tr. 03 Tổng chi 220 000 đồng; lãi 40 000 đồng.

Câu 3 · tr. 03 Thu 180 000 đồng; lãi 30 000 đồng.

ĐÁP ÁN VÀ GỢI Ý HỖ TRỢ · Chỉ mở sau khi tự thử.

Bài 2 · nhiệm vụ 4 · tiếp tục

Câu 4 · tr. 03 Tiền thu còn gồm phần bù chi phí. Phải trừ 220 000 đồng; lãi chỉ 40 000 đồng.

LT1 · tr. 03 Lãi $65\,000 - 50\,000 = 15\,000$ đồng. Kiểm tổng chi cộng lãi bằng 65 000 đồng; không có chi phí nào khác theo dữ kiện.

Bài 3 · tr. 04 **Tính tiền lãi trong một lần mua bán giả định**

Mục tiêu Tính tiền lãi và nhận trường hợp thu bằng chi trong bài toán giả định.

Ví dụ Tổng chi 120 000 đồng, thu 105 000 đồng thì lỗ 15 000 đồng. Nếu thu đúng 120 000 đồng thì không lãi, không lỗ.

Câu 1 · tr. 04 Lỗ $90\,000 - 75\,000 = 15\,000$ đồng.

Câu 2 · tr. 04 Tổng chi 170 000 đồng; lỗ 20 000 đồng.

Câu 3 · tr. 04 Không lãi, không lỗ; tiền thu bằng tổng chi.

Câu 4 · tr. 04 A lãi 15 000 đồng; B lỗ 10 000 đồng.

LT1 · tr. 05 Lỗ $70\,000 - 60\,000 = 10\,000$ đồng.

Bài 4 · tr. 05 **Tính tiền lãi tiết kiệm một kì theo dữ kiện giả định**

Mục tiêu Tính tiền lãi, tổng nhận và lãi suất của một kì tiết kiệm giả định.

Ví dụ Giả định gửi 500 000 đồng trong đúng một kì, lãi suất 2% cho kì đó. Lãi 10 000 đồng, tổng nhận 510 000 đồng. Ngược lại, lãi suất của kì là $10\,000 : 500\,000 \times 100\% = 2\%$.

Câu 1 · tr. 05 Lãi 30 000 đồng; tổng nhận 1 030 000 đồng.

Câu 2 · tr. 05 $16\,000 : 800\,000 = 0,02 = 2\%$.

LT1 · tr. 05 Lãi: $600\,000 \times 2 : 100 = 12\,000$ đồng. Tổng nhận: 612 000 đồng. Kiểm: $612\,000 - 600\,000 = 12\,000$ đồng.

Câu 3 · tr. 06 $2\,000\,000 \times 0,5 : 100 = 10\,000$ đồng.

Câu 4 · tr. 06 Tỷ số đó là 103%, biểu diễn tổng nhận so với gốc. Lãi suất phải lấy tiền lãi 30 000 so với gốc, được 3%.

Bài 5 · tr. 06 **Tính tiền lãi vay một kì theo dữ kiện giả định**

Mục tiêu Tính tiền lãi và lãi suất của một kì vay giả định có điều kiện rõ.

Ví dụ Giả định vay 600 000 đồng trong đúng một kì, lãi suất 1% cho kì đó, không phí. Lãi 6000 đồng, tổng trả 606 000 đồng. Đây chỉ là phép tính trên dữ kiện của bài.

Câu 1 · tr. 06 Lãi 10 000 đồng; tổng trả 510 000 đồng.

Câu 2 · tr. 07 $18\,000 : 1\,200\,000 = 0,015 = 1,5\%$.

Câu 3 · tr. 07 A lãi 10 000 đồng, B lãi 15 000 đồng; chênh 5000 đồng.

Câu 4 · tr. 07 Chưa đủ. Cần nêu 2% ứng với đúng khoảng thời gian nào và số tiền gốc; các bài ở đây đã cho rõ cùng một kì và không có phí.

LT1 · tr. 07 Lãi: $400\,000 \times 1 : 100 = 4000$ đồng. Tổng trả: 404 000 đồng.